

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 55

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Mai Lâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Hữu Thiết	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Ông Hồ Đình Việt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015)

Ban Điều hành

Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Hữu Thiết	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



The image shows a red circular official stamp of Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc. The stamp contains the text: "M.S.D.N: 0101149623 - C.T.C.P", "CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC", and "Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI". A blue ink signature is written across the stamp.

Hồ Huy
Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị
Đại Diện theo pháp Luật

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Số: 941 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh và các bên liên quan ký các hợp đồng mua bán cổ phần cho một cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, sổ đăng ký cổ đông của Công ty không thể hiện sự thay đổi về cổ đông liên quan tới giao dịch này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư số 202 và Thông tư số 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 5 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		668.343.669.671	619.922.362.334
I. Tiền	110		21.770.025.640	64.476.404.411
1. Tiền	111	5	21.770.025.640	64.476.404.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		658.039.195	620.154.134
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6	346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6	(304.000.000)	(304.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		616.039.195	578.154.134
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		604.122.383.914	532.526.576.363
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	60.077.951.994	72.135.021.102
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.254.437.331	26.175.930.855
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	17.650.000.000	11.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	559.168.696.949	461.716.413.622
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(41.028.702.360)	(39.150.789.216)
IV. Hàng tồn kho	140	11	8.654.380.048	9.545.815.949
1. Hàng tồn kho	141		8.654.380.048	9.545.815.949
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.138.840.874	12.753.411.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	14.794.733.251	9.795.427.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	17.667.069.713	2.936.505.577
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	677.037.910	21.478.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.708.649.894.628	1.429.638.384.767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.270.923.933	53.493.654.966
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	53.103.000.000	50.415.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	27.167.923.933	3.078.654.966
II. Tài sản cố định	220		1.325.669.173.876	1.060.798.108.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.313.308.433.007	1.008.114.084.280
- Nguyên giá	222		2.128.499.350.765	1.649.620.139.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(815.190.917.758)	(641.506.055.080)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	11.808.081.132	52.114.574.668
- Nguyên giá	225		32.555.964.051	84.524.098.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(20.747.882.919)	(32.409.523.940)
3. Tài sản cố định vô hình	227		552.659.737	569.449.405
- Nguyên giá	228		750.483.552	750.483.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(197.823.815)	(181.034.147)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	178.481.717.259	182.447.977.647
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.831.301.941)	(15.865.041.553)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.000.042.139	18.893.420.371
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.000.042.139	18.893.420.371
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		57.057.628.581	57.057.628.581
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16	38.511.628.581	38.511.628.581
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	18.546.000.000	18.546.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49.170.408.840	56.947.594.849
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	37.059.729.527	35.621.289.698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.814.166.745	6.015.820.194
3. Lợi thế thương mại	269	17	10.296.512.568	15.310.484.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.376.993.564.299	2.049.560.747.101

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 55 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

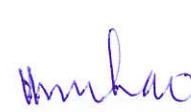
MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.816.586.078.296	1.488.025.046.589
I. Nợ ngắn hạn	310		576.031.049.953	476.002.306.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	70.415.251.549	22.105.299.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.123.358.286	1.738.342.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	8.378.645.810	17.149.673.151
4. Phải trả người lao động	314		24.293.663.946	20.783.362.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	12.569.221.357	13.744.174.630
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	743.343.951	79.050.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	186.576.420.277	144.607.121.216
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	265.593.310.992	175.373.207.373
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.337.833.785	1.451.125.304
II. Nợ dài hạn	330		1.240.555.028.343	1.012.022.740.079
1. Phải trả người bán dài hạn	331		6.663.627	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		370.670.825	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	20	343.252.355	-
4. Phải trả dài hạn khác	337	22	906.083.042.301	716.693.531.409
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	333.751.399.235	294.553.313.565
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	775.895.105
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		560.407.486.003	561.535.700.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	560.407.486.003	561.535.700.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.800.676.811	27.800.676.811
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.274.481.407	50.291.182.049
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.546.544.717	35.360.100.834
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		28.727.936.690	14.931.081.215
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.679.007.785	9.790.521.652
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.376.993.564.299	2.049.560.747.101


 Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016


 Trịnh Bá Cường
 Kế toán trưởng


 Hồ Huy
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
 Đại Diện theo pháp Luật

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 55 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.075.929.071.123	1.092.783.212.847
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.075.929.071.123	1.092.783.212.847
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	965.540.249.521	956.188.859.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		110.388.821.602	136.594.353.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	32.954.554.854	25.582.829.144
7. Chi phí tài chính	22	31	52.080.838.361	65.810.868.420
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.023.268.921	65.769.221.342
8. Chi phí bán hàng	25	32	19.024.576.512	19.210.765.113
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	85.568.883.962	82.283.313.280
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(13.330.922.379)	(5.127.764.520)
11. Thu nhập khác	31	34	64.558.972.313	75.485.995.188
12. Chi phí khác	32		7.616.778.425	6.228.199.043
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		56.942.193.888	69.257.796.145
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		43.611.271.509	64.130.031.625
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	10.018.881.289	16.393.355.600
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	3.911.599.114	(811.475.768)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		29.680.791.106	48.548.151.793
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		28.727.936.690	47.116.440.503
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		952.854.416	1.431.711.290
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	607	854



Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016



Trịnh Bá Cường
 Kế toán trưởng



Hồ Huy
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
 Đại Diện theo pháp Luật

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 55 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

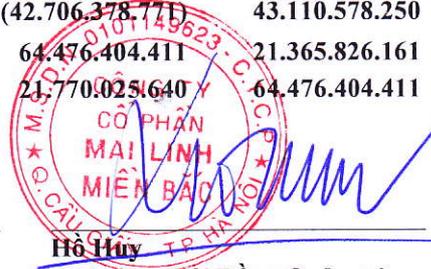
MÃ SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	43.611.271.509	64.130.031.625
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	282.681.780.513	245.753.200.208
Các khoản dự phòng	03	1.877.913.144	3.981.302.309
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(46.942.448.477)	(53.668.445.727)
Chi phí lãi vay	06	52.023.268.921	65.769.221.342
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	333.251.785.610	325.965.309.757
(Tăng) các khoản phải thu	09	(76.918.875.245)	(172.413.609.343)
Giảm hàng tồn kho	10	891.435.901	464.612.942
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	150.578.089.442	332.199.265.304
(Tăng) chi phí trả trước	12	(6.437.745.210)	(2.034.380.197)
Tiền lãi vay đã trả	14	(51.635.842.041)	(65.769.221.342)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.081.426.070)	(16.790.220.368)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.090.183.586
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.756.028.503)	(1.469.453.742)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	306.891.393.884	401.242.486.597
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(572.631.970.340)	(328.885.913.947)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	97.458.192.307	89.454.486.283
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.885.061)	(10.740.909.387)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	442.666.200
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.753.628.483	13.424.062.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(462.458.034.611)	(236.305.608.412)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	519.829.736.942	319.557.113.944
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(367.199.590.854)	(412.938.534.670)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(23.211.956.799)	(16.426.192.345)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.557.927.333)	(12.018.686.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	112.860.261.956	(121.826.299.935)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(42.706.378.771)	43.110.578.250
Tiền đầu năm	60	64.476.404.411	21.365.826.161
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	21.770.025.640	64.476.404.411


Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu


Trịnh Bá Cường
Kế toán trưởng


Hồ Huy
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
Đại Diện theo pháp Luật

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 55 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc là công ty đại chúng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.769 (31 tháng 12 năm 2014: 6.615).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ (Thành phố Hà Nội) tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Thành phố Hà Nội) tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	93%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	36,37%	36,37%	Dịch vụ taxi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Điều hành đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	Năm 2015
	(Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Ban Điều hành Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	730.451.926	436.723.241
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.039.573.714	64.039.681.170
	<u>21.770.025.640</u>	<u>64.476.404.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
 Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hạn	616.039.195	-	578.154.134	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	18.546.000.000	-	18.546.000.000	-
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	-	16.626.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	19.813.538.120	23.715.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	-	14.700.000.000
Các khách hàng khác	40.264.413.874	33.720.021.102
Trong đó	60.077.951.994	72.135.021.102
Các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 38)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000
	17.650.000.000	11.650.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Vay cá nhân dài hạn	4.888.000.000	2.200.000.000
	53.103.000.000	50.415.000.000
Trong đó		
Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan		
(Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 38)	65.865.000.000	59.865.000.000

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các đơn vị trong cùng tập đoàn Mai Linh (i)	401.262.076.386	256.555.575.996
- Phải thu về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương (ii)	-	64.000.000.000
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (iii)	98.244.037.274	85.858.498.876
- Phải thu người lao động (iv)	6.238.165.405	2.988.297.874
- Phải thu thuế được hoàn (v)	3.481.207.326	-
- Tạm ứng	11.771.257.799	8.880.485.103
- Ký cược, ký quỹ	1.348.693.120	2.132.296.534
- Phải thu thuế GTGT được khấu trừ từ tài sản thuế tài chính	-	1.649.506.654
- Phải thu khác	36.823.259.639	39.651.752.585
	559.168.696.949	461.716.413.622
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	27.167.923.933	3.078.654.966
	27.167.923.933	3.078.654.966
Trong đó		
Các khoản phải thu khác các bên liên quan		
(Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 38)	401.262.076.386	256.555.575.996

- (i) Số phải thu các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ nhờ thu hệ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương, do khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giao dịch chuyển nhượng đã được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh trong thời hạn 01 năm.
- (iv) Phản ánh số phải thu cước taxi và các khoản phải thu khác từ người lao động.
- (v) Phản ánh số tiền thuế được hoàn theo Biên bản Thanh tra thuế giai đoạn 2010 - 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

Đối tượng	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.025.699.409	150.150.000	20.947.108.556	71.559.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	150.150.000	150.150.000	71.559.147	71.559.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.652.024.788	1.117.878.479	10.053.068.504	518.922.195
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.117.878.479	1.117.878.479	518.922.195	518.922.195
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	1.495.149.910
- Quá hạn thanh toán 2 năm đến 3 năm	4.983.833.034	-	4.983.833.034	1.495.149.910
Đối tượng khác	6.226.591.546	591.417.938	10.385.392.691	5.132.982.317
	42.888.148.777	1.859.446.417	46.369.402.785	7.218.613.569

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đi đường	-	7.246.660
Nguyên vật liệu	6.695.627.179	6.023.262.261
Công cụ dụng cụ	341.848.503	1.037.806.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	60.040.182	305.147.879
Thành phẩm	804.695.275	1.364.656.110
Hàng hóa	43.050.101	191.428.321
Hàng gửi bán	709.118.808	616.267.897
	8.654.380.048	9.545.815.949

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	9.807.935.379	5.481.708.465
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.986.797.872	4.313.719.405
	14.794.733.251	9.795.427.870
b) Dài hạn		
Chi phí thuê nhãn hiệu	20.377.272.724	23.819.696.966
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công cụ dụng cụ	6.885.598.262	5.946.259.518
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.796.858.541	5.855.333.214
	37.059.729.527	35.621.289.698

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2015	35.516.225.573	2.238.135.992	911.256.968.439	697.340.715.914	2.284.235.828	983.857.614	1.649.620.139.360
Mua sắm mới	110.000.000	-	586.423.413.216	2.571.092.116	122.208.400	-	589.226.713.732
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	27.372.284.840	-	-	-	-	-	27.372.284.840
Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	24.066.871.431	-	-	-	24.066.871.431
Phân loại lại tài sản cố định	-	-	(38.076.290.069)	38.076.290.069	-	-	-
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(390.029.624.312)	390.029.624.312	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(60.105.234.554)	(101.681.424.044)	-	-	(161.786.658.598)
Tại ngày 31/12/2015	62.998.510.413	2.238.135.992	1.033.536.104.151	1.026.336.298.367	2.406.444.228	983.857.614	2.128.499.350.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	9.830.545.268	2.074.186.522	273.966.828.358	353.316.422.719	1.789.967.368	528.104.845	641.506.055.080
Trích khấu hao trong kỳ	2.069.160.281	116.244.974	128.006.571.481	135.326.112.962	262.367.608	141.913.080	265.922.370.386
Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	8.752.006.966	-	-	-	8.752.006.966
Phân loại lại tài sản cố định	(59.570.127)	-	(18.098.365.046)	18.157.935.173	-	-	-
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(141.829.734.100)	141.829.734.100	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(28.528.318.500)	(72.461.196.174)	-	-	(100.989.514.674)
Tại ngày 31/12/2015	11.840.135.422	2.190.431.496	222.268.989.159	576.169.008.780	2.052.334.976	670.017.925	815.190.917.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2015	51.158.374.991	47.704.496	811.267.114.992	450.167.289.587	354.109.252	313.839.689	1.313.308.433.007
Tại ngày 31/12/2014	25.685.680.305	163.949.470	637.290.140.081	344.024.293.195	494.268.460	455.752.769	1.008.114.084.280

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 809.603.752.973 VND (31 tháng 12 năm 2014: 681.942.378.039 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 12.451.381.266 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 30.658.115.087 VND).

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Phương tiện vận tải</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	84.524.098.608
Chuyển sang TSCĐHH	(24.066.871.431)
Thanh lý, nhượng bán	(27.901.263.126)
Tại ngày 31/12/2015	<u>32.555.964.051</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	32.409.523.940
Trích khấu hao trong năm	7.762.387.682
Chuyển sang TSCĐHH	(8.752.006.966)
Thanh lý, nhượng bán	(10.672.021.737)
Tại ngày 31/12/2015	<u>20.747.882.919</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u>11.808.081.132</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>52.114.574.668</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	<u>Nhà xưởng</u> <u>và quyền sử dụng đất</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	198.313.019.200
Tại ngày 31/12/2015	<u>198.313.019.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	15.865.041.553
Trích khấu hao trong năm	3.966.260.388
Tại ngày 31/12/2015	<u>19.831.301.941</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	<u>178.481.717.259</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>182.447.977.647</u>

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 178.481.717.259 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 182.447.977.647 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 3.966.260.388 VND (năm 2014: 3.966.260.388 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (Tiếp theo)**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

	Giá trị còn lại	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	58.272.857.259	59.567.809.647
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	120.208.860.000	122.880.168.000
	178.481.717.259	182.447.977.647

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	38.511.628.581	38.511.628.581
	38.511.628.581	38.511.628.581

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của Công ty với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần điều chỉnh nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	65.196.565.000
Tại ngày 31/12/2015	65.196.565.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	49.886.080.043
Trích khấu hao trong năm	5.013.972.389
Tại ngày 31/12/2015	54.900.052.432
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	10.296.512.568
Tại ngày 31/12/2014	15.310.484.957

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	22.149.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Long Biên	10.960.500.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Thành Công Đông Anh	11.162.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Vinh	3.832.150.000	-
Tổng công ty Xây dựng Thanh Hoá	1.372.903.000	1.572.903.000
Công ty TNHH Ô tô Hyundai Giải Phóng	-	4.830.000.000
Khác	20.938.698.549	15.702.396.343
	<u>70.415.251.549</u>	<u>22.105.299.343</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm				31/12/2015
	31/12/2014	Được khấu trừ/ Số phải nộp	Đã khấu trừ/ Số đã nộp	Tăng khác	
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	2.936.505.577	130.425.944.469	115.695.380.333	-	17.667.069.713
- Thuế GTGT đầu ra	2.936.505.577	130.425.944.469	115.695.380.333	-	17.667.069.713
Các khoản phải thu khác	21.478.030	888.464.956	232.905.076	-	677.037.910
Cộng	<u>2.957.983.607</u>	<u>131.314.409.425</u>	<u>115.928.285.409</u>	<u>-</u>	<u>18.344.107.623</u>
b) Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	3.353.174.257	47.074.495.976	49.453.887.697	-	973.782.536
- Thuế GTGT đầu ra	3.353.174.257	47.074.495.976	49.453.887.697	-	973.782.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.103.436.813	10.018.881.289	17.081.426.070	583.069.367	5.623.961.399
Tiền thuê đất	-	325.298.802	324.920.856	-	377.946
Các loại thuế khác	1.693.062.081	5.144.214.470	5.056.752.622	-	1.780.523.929
Thuế thu nhập cá nhân	1.301.456.527	1.963.193.159	2.419.211.791	-	845.437.895
Thuế khác	391.605.554	3.181.021.311	2.637.540.831	-	935.086.034
Cộng	<u>17.149.673.151</u>	<u>62.562.890.537</u>	<u>71.916.987.245</u>	<u>-</u>	<u>8.378.645.810</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	5.021.992.587	5.752.671.822
Trích trước chi phí tiền lương	5.764.743.175	4.781.057.965
Các khoản khác	1.782.485.595	3.210.444.843
	<u>12.569.221.357</u>	<u>13.744.174.630</u>
b) Dài hạn		
Lãi vay phải trả	343.252.355	-
	<u>343.252.355</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước (i)	-	79.050.000.000
Các khoản khác (ii)	743.343.951	-
	<u>743.343.951</u>	<u>79.050.000.000</u>

- (i) Doanh thu chưa thực hiện của Công ty bao gồm khoản tiền nhận trước và khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland với số tiền lần lượt là 55.335.000.000 VND và 23.715.000.000 VND từ việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 22 tháng 4 năm 2014. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn thành.
- (ii) Thể hiện doanh thu nhận trước của khách hàng nhưng chưa sử dụng dịch vụ taxi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	58.322.140.252	33.820.949.588
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	35.586.348.905	31.442.753.219
Phải trả cổ tức	23.015.706.107	14.970.877.440
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	24.083.171.537	21.144.726.729
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	512.298.864	6.767.531.155
Phải trả thẻ MCC	5.592.358.629	5.453.206.259
Nhà thầu cung cấp cho TeLin Vạn Hương	1.881.875.161	2.755.318.661
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.019.772.148	3.276.715.462
Khác	32.562.748.674	24.975.042.703
	<u>186.576.420.277</u>	<u>144.607.121.216</u>
b) Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	807.802.284.636	657.550.036.864
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	45.643.196.198	14.379.398.246
Đặt cọc của lái xe	52.637.561.467	44.764.096.299
	<u>906.083.042.301</u>	<u>716.693.531.409</u>
Trong đó		
Các khoản phải trả khác là các bên liên quan		
(Số dư chủ yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 38)	<u>58.322.140.252</u>	<u>33.820.949.588</u>

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	10.013.173.134	10.013.173.134	20.897.618.157	17.317.637.868	13.593.153.423	13.593.153.423
Nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	143.983.149.179	143.983.149.179	189.130.525.315	155.189.453.144	177.924.221.350	177.924.221.350
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	7.588.729.900	7.588.729.900	64.777.606.311	770.000.000	71.596.336.211	71.596.336.211
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	13.788.155.160	13.788.155.160	2.479.600.008	13.788.155.160	2.479.600.008	2.479.600.008
	175.373.207.373	175.373.207.373	277.285.349.791	187.065.246.172	265.593.310.992	265.593.310.992

(i) Vay ngắn hạn bao gồm vay ngắn hạn ngân hàng và vay ngắn hạn cá nhân, trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 6 đến 12 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (*)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	351.478.933.361	351.478.933.361	438.214.919.230	295.932.972.878	493.760.879.713	493.760.879.713
Vay dài hạn cá nhân (**)	80.469.891.002	80.469.891.002	60.717.199.555	53.948.980.108	87.238.110.449	87.238.110.449
Nợ thuế tài chính dài hạn (***)	27.964.523.441	27.964.523.441	-	23.211.956.799	4.752.566.642	4.752.566.642
Cộng	459.913.347.804	459.913.347.804	498.932.118.785	373.093.909.785	585.751.556.804	585.751.556.804

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng

252.000.157.569

Số phải trả sau 12 tháng

333.751.399.235

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	22.117.733.325	6.249.113.329
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh	14.895.000.000	22.035.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	7.067.992.000	13.885.566.568
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	12.911.380.543	14.018.859.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	41.306.456.522	41.627.956.522
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (iii)	38.220.835.000	38.765.015.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (iv)	19.724.414.900	23.136.282.100
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (v)	19.681.766.446	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (vi)	20.593.333.333	2.100.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	9.953.000.000	14.010.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	8.686.920.000	14.259.720.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (vii)	20.225.000.000	15.270.100.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (viii)	32.490.675.695	11.124.000.000
Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	9.200.000.000	10.501.350.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng (ix)	23.518.758.000	6.919.215.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	9.493.000.000	6.593.325.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	9.702.000.000	8.602.437.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (x)	19.759.000.000	8.939.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	11.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	10.085.000.000	5.380.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	16.433.492.000	11.342.220.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	12.243.904.000	10.569.723.175
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	9.100.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	15.299.000.000	9.243.602.789
Khác (xi)	80.052.217.949	56.906.447.378
	<u>493.760.879.713</u>	<u>351.478.933.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

- (i) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 02/2015/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 27.000.000.000 VND để đầu tư 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Toyota Vios và 40 xe Kia Morning hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 14.144.500.000 VND và chịu lãi suất 10%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 51 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.930.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTDTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.580.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTDTH ngày 06 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 04 năm với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 01 xe Toyota Camry hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 463.233.325 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13148 ngày 19 tháng 11 năm 2013 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 12.500.000.000 VND để đầu tư 25 xe Toyota Innova. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.932.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/13156 ngày 10 tháng 12 năm 2013 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 12.620.000.000 VND để đầu tư 50 xe ô tô Kia. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 6.308.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14111 ngày 30 tháng 6 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 5.175.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 3.249.000.000 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/14119 và các phụ lục từ ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với tổng hạn mức là 20.000.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Hyundai. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.043.838.551 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 13.676.956.522 VND và chịu lãi suất 9,7%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng HKI-HĐTD/15156 ngày 30 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 63.413.000.000 VND để đầu tư 80 xe ô tô Toyota Vios, 50 xe ô tô Toyota Innova, 50 xe ô tô Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả ngày 26 hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 11.140.500.000 VND và chịu lãi suất 9,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 717/NHNT ngày 19 tháng 8 năm 2013, số tiền vay là 8.487.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 25 xe Nissan phục vụ dịch vụ kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 11,1%/năm và được điều chỉnh mỗi quý một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 25 xe ô tô mới mua, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 420.000.000 VND.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 906/NHNT ngày 19 tháng 9 năm 2013, số tiền vay là 500.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 01 xe Ford Everest. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 11,1%/năm và được điều chỉnh mỗi quý một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính xe ô tô mới mua, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 26.000.000 VND.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng tín dụng số 427/NHNT ngày 03 ngày 6 tháng 2014, số tiền vay là 12.184.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 100 xe Hyundai Grand i10 phục vụ dịch vụ kinh doanh dịch vụ xe cho thuê. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 11,1%/năm và được điều chỉnh mỗi quý một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 50 xe Kia Morning của Công ty, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 609.200.000 VND.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 01/940/NHNT ngày 02 tháng 7 năm 2014, số tiền vay là 4.873.909.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô Hyundai Grand i10 cho Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Dũng Lạc theo Hợp đồng mua bán ô tô số 02/2014/ML0-HDV. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 11,1%/năm và được điều chỉnh mỗi quý một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 20 xe Hyundai Grand i10 của Công ty, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 243.695.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 1152/NHNT ngày 12 tháng 8 năm 2014, số tiền vay là 7.282.396.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 30 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10 BASE cho Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Dũng Lạc theo Hợp đồng mua bán ô tô số 05/2014/ML-HDV ngày 05/7/2014. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 11,1%/năm và được điều chỉnh mỗi quý một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng 30 xe Hyundai Grand i10 BASE của Công ty, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 364.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 1113/HĐDATD/VIN.KHDN ngày 30 tháng 6 năm 2015, hạn mức vay là 7.546.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31/12/2015 là 7.476.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô Toyota Vios 1.3J 05 chỗ phục vụ dịch vụ kinh doanh vận tải taxi. Thời hạn vay 4 năm, lãi suất vay là 7%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, sau thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo của Bên cho vay từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 20 xe ô tô mới mua, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 467.250.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 1114/HĐDATD/VIN.KHDN ngày 30 tháng 6 năm 2015, hạn mức vay là 1.495.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31/12/2015 là 1.472.100.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 03 xe ô tô Toyota Innova 2.0E phục vụ dịch vụ kinh doanh vận tải taxi. Thời hạn vay 4 năm, lãi suất 7%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, sau thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo của Bên cho vay trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 03 xe ô tô mới mua, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 92.000.000 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 1796/ĐTDA/NHNT ngày 09 tháng 12 năm 2015, hạn mức vay là 15.600.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 40 xe ô tô Toyota Vios phục vụ dịch vụ kinh doanh vận tải taxi. Thời hạn vay 5 năm, lãi suất 7%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, sau thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo thông báo của Bên cho vay trong từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 40 xe ô tô mới mua, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần là 383.215.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iv) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ-ML ngày 08 tháng 02 năm 2012, số tiền vay là 4.981.323.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 14 xe Nissan phục vụ kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 11,5%/năm và được điều chỉnh mỗi quý 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 14 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 249.060.150 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ-ML ngày 28 tháng 11 năm 2013, số tiền vay là 11.700.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 50 xe Kia Morning phục vụ kinh doanh taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 11,5%/năm và được điều chỉnh mỗi quý 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 50 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 590.000.000 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTH ngày 13 tháng 02 năm 2015, hạn mức vay là 6.900.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 6.900.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô Nissan Sunny phục vụ kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh mỗi quý 1 lần. Mức lãi suất cho vay kỳ đầu là 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 20 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 350.000.000 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1730864/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2015, hạn mức vay là 4.900.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 2.436.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô con hiệu Hyundai Grand i10 phục vụ kinh doanh taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mức lãi suất ưu đãi cho vay năm đầu là 8%/năm trong 6 tháng đầu và 8,5%/năm trong 6 tháng tiếp theo. Các năm tiếp theo lãi suất thả nổi và được điều chỉnh mỗi quý 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 20 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 121.800.000 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1730864/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2015, hạn mức vay là 3.835.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 3.835.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 10 xe Toyota Vios phục vụ kinh doanh taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mức lãi suất năm đầu cố định là 8,5%/năm. Các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi và được điều chỉnh mỗi quý 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 10 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 191.750.000 VND.
- (v) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDDA/NHCT442-MAI LINH NGHỆ AN ngày 30 tháng 01 năm 2015, hạn mức vay là 10.290.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 10.290.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 30 xe ô tô Nissan Sunny XL 1.5 MT phục vụ kinh doanh taxi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 30 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 512.694.737 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HĐTDDA/NHCT442-MAI LINH NGHỆ AN ngày 04 tháng 6 năm 2015, hạn mức vay là 7.486.500.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 7.486.500.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 31 xe ô tô Hyundai Grand i10 phục vụ kinh doanh taxi. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 31 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 467.906.250 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2015-HĐTDDA/NHCT442-MAI LINH NGHỆ AN ngày 24 tháng 11 năm 2015, hạn mức vay là 7.308.000.000 VND, tổng số tiền vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 là 4.872.000.000 VND, dùng để thanh toán tiền mua 30 xe ô tô Hyundai Grand i10 phục vụ kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay của khoản vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 30 xe ô tô mới, gốc được trả 3 tháng một lần, mỗi lần 305.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (vi) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2014/3292426/HĐKT ngày 02 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 36 tháng với tổng hạn mức là 4.100.000.000 VND để đầu tư 20 xe du lịch 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, kỳ điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.645.253.760 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 2.732.333.333 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2015/3292426/HĐKT ngày 08 tháng 6 năm 2015 có thời hạn 36 tháng với tổng hạn mức là 8.792.000.000 VND để đầu tư 40 xe Kia Morning mới. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, kỳ điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 11.508.933.440 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 7.060.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 02/2015/3292426/HĐTD ngày 30 tháng 11 năm 2015 có thời hạn 36 tháng với tổng hạn mức là 10.801.000.000 VND để đầu tư 35 xe ô tô bao gồm 20 xe Hyundai Grand i10, 10 xe Toyota Vios và 5 xe Toyota Innova 7 chỗ. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, kỳ điều chỉnh 6 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 15.727.171.005 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay này có dư nợ gốc vay là 10.801.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
- (vii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 02/2012/HĐTD ngày 31 tháng 8 năm 2012 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 2.200.000.000 VND để đầu tư 10 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.677.752.382 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 380.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 03/2012/HĐTD ngày 29 tháng 12 năm 2012 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 2.300.000.000 VND để đầu tư 10 xe Kia Morning. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.881.600.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 560.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTD ngày 29 tháng 8 năm 2013 có thời hạn 52 tháng với tổng hạn mức là 10.000.000.000 VND để đầu tư các phương tiện vận tải. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là 40 xe Kia Morning và 2 xe Toyota Innova để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.891.219.926 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 5.000.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTD ngày 25 tháng 7 năm 2014 có thời hạn 54 tháng với tổng hạn mức là 5.820.000.000 VND để đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là 12 xe Hyunda Grand i10 để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.255.835.384 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 4.640.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 01/2015/HĐTD ngày 06 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 3.400.000.000 VND để đầu tư 15 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là 15 xe Hyundai Grand i10 để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.389.042.740 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 2.795.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng số 02/2015/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2015 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 6.850.000.000 VND để đầu tư dự án. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là 5 xe Toyota Vios Limo, 20 xe Hyundai Grand i10 để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.656.783.553 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 6.850.000.000 VND và chịu lãi suất 11%/năm.
- (viii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa như sau:
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 11/2014-HĐTD với mục đích thanh toán tiền mua ô tô phục vụ kinh doanh, có thời hạn vay 60 tháng với số dư nợ vay đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 5.550.675.695 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 1582005/2015/HĐTĐA/CT420 với mục đích thanh toán tiền mua ô tô phục vụ kinh doanh, có thời hạn vay 48 tháng với số dư nợ vay đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.900.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 1582005/NHCT420 với mục đích thanh toán tiền mua ô tô phục vụ kinh doanh, có thời hạn vay 36 tháng với số dư nợ vay đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.040.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(ix) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 666/HĐTD/TH-PN/PGBHP.14 ngày 24 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.680.000.000 VND để đầu tư 5 xe ô tô Nissan. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.937.191.420 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 875.000.000 VND và chịu mức lãi suất 9,54%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 878/2014/HĐTD-DN/PGBankHP ngày 18 tháng 11 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.662.500.000 VND để đầu tư 5 xe ô tô Nissan Sunny. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.194.602.976 VND. Khoản vay này 25% chịu mức lãi suất của ngân hàng và 75% chịu mức lãi suất hỗ trợ Jaica. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 1.212.700.000 VND và chịu mức lãi suất là 8,73%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 903/2014/HĐTD-DN/PGBankHP ngày 11 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 1.662.500.000 VND để đầu tư 5 xe ô tô Nissan Sunny. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.191.636.281 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 1.212.700.000 VND và chịu lãi suất 10,5%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 946/2015/HĐTD-DN/PGBankHP ngày 22 tháng 01 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.003.168.628 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 3.649.700.000 VND và chịu lãi suất 10,5%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 963/2015/HĐTD-DN/PGBankHP ngày 03 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai Grand i10. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 6.051.115.807 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 3.649.700.000 VND và chịu lãi suất 10,5%/năm.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 1122/208/2015/HĐTD-DN/PGBankHP ngày 12 tháng 10 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 3.430.000.000 VND để đầu tư 10 xe ô tô Nissan Sunny. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.908.914.952 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 3.215.500.000 VND và chịu lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 1157/208/2015/HĐTĐ/PGBankHP ngày 03 tháng 12 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 4.902.000.000 VND để đầu tư 20 xe ô tô Hyundai Grand. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.198.064.880 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 4.800.658.000 VND và chịu lãi suất 8%/năm.
 - Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 1194/208/HĐTĐ/PGBankHP ngày 28 tháng 12 năm 2015 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 4.902.000.000 VND để đầu tư 20 xe Hyundai Grand 2. Khoản vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay chịu lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.207.752.720 (đang ghi nhận trên chi phí xây dựng cơ bản dở dang) VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản vay có số dư nợ gốc vay là 4.902.800.000 VND và chịu lãi suất 8%/năm.
- (x) Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh như sau:
- Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng 02/12/ĐTDA/BN ngày 02 tháng 8 năm 2012 có thời hạn 42 tháng. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 02 tháng 8 năm 2012 và chịu lãi suất theo thông báo của bên cho vay từng thời kỳ trừ 1%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo tại cùng thời kỳ và được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được dùng để đầu tư xe mua ô tô thuộc dự án "Đầu tư 15 xe Vios E và 10 xe Nissan" đưa vào hoạt động tại Bắc Ninh.
 - Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng vay số 013/13/ĐTDA/BN ngày 12 tháng 9 năm 2013 với hạn mức 7.412.000.000 VND, thời hạn cho vay 46 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền mua mới 10 xe Toyota Innova E và 20 xe Kia Morning đưa vào hoạt động kinh doanh taxi tại tỉnh Bắc Ninh. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất theo thông báo của bên cho vay từng thời kỳ trừ 1%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo tại cùng thời kỳ. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản vay là 3.700.000.000 VND, lãi suất 12%/năm, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay với giá trị còn lại là 9.502.339.992 VND.
 - Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng vay số 003/15/ĐTDA/BN ngày 28 tháng 01 năm 2015 với hạn mức 4.391.000.000 VND, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền mua 20 xe ô tô Hyundai Grand i10 Base mới. Lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất của bên cho vay và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản vay là 3.801.000.000 VND, lãi suất 10,5%/năm, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay với giá trị còn lại là 5.898.977.279 VND.
 - Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo Hợp đồng vay số 002/15/ĐTDA/SME/BN ngày 02 tháng 11 năm 2015 với hạn mức 16.317.000.000 VND, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay là để thanh toán tiền mua 20 xe Vios Limo và 30 xe Hyundai Grand i10 Base. Lãi suất cho vay áp dụng theo chương trình An tâm lãi suất: lãi suất được cố định trong 02 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, 02 năm còn lại áp dụng lãi suất cho vay trung, dài hạn thông thường của Vietcombank và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng, gốc vay được trả định kỳ 3 tháng/lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản vay là 12.258.000.000 VND, lãi suất 8,31%/năm, được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay với giá trị còn lại là 21.295.163.519 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (xi) Các khoản vay khác có thời hạn từ 36 đến 60 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho những khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	177.924.221.350	143.983.149.179
Trong năm thứ hai	166.617.819.669	142.498.152.399
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	149.218.838.694	64.997.631.783
	<u>493.760.879.713</u>	<u>351.478.933.361</u>

(**) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 12 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lãi suất từ 0,62%/tháng đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay cá nhân dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	71.596.336.211	7.588.729.900
Trong năm thứ hai	15.641.774.238	26.069.851.980
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	46.811.309.122
	<u>87.238.110.449</u>	<u>80.469.891.002</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	71.596.336.211	7.588.729.900
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.641.774.238</u>	<u>72.881.161.102</u>

(***) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	4.752.566.642	7.232.166.650
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.732.356.791
	<u>4.752.566.642</u>	<u>27.964.523.441</u>

- (i) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ ngày 05 tháng 11 năm 2012 đến ngày 05 tháng 11 năm 2017 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 12.398.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 4.752.566.642 VND và chịu lãi suất 10,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.479.600.008	13.788.155.160
Trong năm thứ hai	2.272.966.634	11.903.401.639
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.272.966.642
	4.752.566.642	27.964.523.441
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i>)	2.479.600.008	13.788.155.160
Số phải trả sau 12 tháng	2.272.966.634	14.176.368.281

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH MIỀN BẮC
 Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	9.222.151.190	3.711.557.266	47.914.173.807	10.055.074.550	544.556.276.813
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	950.000.000	950.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	47.116.440.503	1.431.711.290	48.548.151.793
Tăng khác	-	-	-	-	1.001.981.717	(1.585.190.476)	(583.208.759)
Trích lập các quỹ	-	-	4.955.656.118	9.911.312.237	(14.866.968.355)	(204.751.734)	(204.751.734)
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.928.279.911)	-	(4.928.279.911)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.682.666.000)	-	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.263.499.712)	(856.321.978)	(3.119.821.690)
Số dư tại ngày 31/12/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	14.177.807.308	13.622.869.503	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	13.622.869.503	(13.622.869.503)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	486.253.320.000	(12.600.000.000)	27.800.676.811	-	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	28.727.936.690	952.854.416	29.680.791.106
Hoàn nhập cổ tức cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	630.000.000	-	630.000.000
Trích lập các quỹ (i)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(6.681.511.551)	(143.530.767)	(6.825.042.318)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(23.682.666.000)	(920.090.000)	(24.602.756.000)
Khác	-	-	-	-	(10.459.781)	(747.516)	(11.207.297)
Số dư tại ngày 31/12/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.800.676.811	-	44.274.481.407	9.679.007.785	560.407.486.003

(i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2015 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Vốn góp của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	16.378	12.345
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất</i>	<i>112.077.820</i>	<i>112.077.820</i>
<i>Nhôm Yeh Young Việt Nam</i>		
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh</i>	<i>69.511.470</i>	<i>69.511.470</i>
<i>Ông Tô Thường</i>	<i>29.712.000</i>	<i>29.712.000</i>
<i>Ông Võ Tuấn Dũng</i>	<i>549.243</i>	<i>549.243</i>
	<u>211.850.533</u>	<u>211.850.533</u>

(i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Điều hành do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	816.018.435.198	827.241.667.301
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	12.830.681.150	10.864.184.110
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	16.610.974.608	11.258.737.203
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	100.698.922.697	100.671.995.251
Doanh thu cho thuê tài sản	74.397.317.151	58.931.799.332
Doanh thu dịch vụ khác	55.372.740.319	83.814.829.650
	<u>1.075.929.071.123</u>	<u>1.092.783.212.847</u>
Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan		
(Giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 38)	<u>94.823.527.059</u>	<u>290.861.148.224</u>

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ taxi	764.904.619.394	741.254.982.033
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	12.068.462.332	10.921.047.506
Giá vốn dịch vụ sửa chữa	9.154.324.650	11.097.743.114
Giá vốn nhượng bán tài sản, vật tư	96.467.513.767	91.158.956.386
Giá vốn cho thuê tài sản	47.111.994.824	45.883.080.686
Giá vốn dịch vụ khác	35.833.334.554	55.873.049.973
	<u>965.540.249.521</u>	<u>956.188.859.698</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.392.548.953	259.909.927.074
Chi phí nhân công	383.486.389.323	389.591.896.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	278.715.520.125	241.786.939.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.361.513.082	47.510.321.451
Chi phí khác bằng tiền	20.578.898.693	23.743.594.920
Chi phí dự phòng	2.131.326.052	3.981.302.310
	973.666.196.228	966.523.981.705

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.753.628.483	10.448.862.428
Lãi thanh lý khoản đầu tư	14.757.013.000	-
Khác	5.443.913.371	15.133.966.716
	32.954.554.854	25.582.829.144

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	52.023.268.921	65.769.221.342
Khác	57.569.440	41.647.078
	52.080.838.361	65.810.868.420

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2015	2014
	VND	VND
Phí nhãn hiệu (i)	3.403.424.242	3.030.520.603
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.720.786.531	4.631.106.100
Chi phí nhân công	4.356.418.156	4.793.314.152
Các khoản khác	7.543.947.583	6.755.824.258
	19.024.576.512	19.210.765.113

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	50.564.542.480	49.118.894.995
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	5.272.505.983	3.349.483.821
Dự phòng nợ thu khó đòi	2.131.326.052	5.071.298.101
Các khoản khác	27.600.509.447	24.743.636.363
	85.568.883.962	82.283.313.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	19.431.806.994	25.823.616.583
- <i>Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	<i>97.458.192.307</i>	<i>91.168.353.234</i>
- <i>Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ</i>	<i>78.026.385.313</i>	<i>65.344.736.651</i>
Thu phí quản lý từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.658.076	18.738.249.642
Các khoản khác	44.926.507.243	30.924.128.963
	64.558.972.313	75.485.995.188

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.968.804.068	16.393.355.600
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	50.077.221	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.018.881.289	16.393.355.600
	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	43.611.271.509	64.130.031.625
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.701.474.251	21.840.484.867
<i>Lỗ tại các công ty con</i>	<i>1.201.371.062</i>	<i>-</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ</i>	<i>5.013.972.389</i>	<i>5.761.472.389</i>
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>2.926.560.371</i>	<i>5.139.037.487</i>
<i>Thu nhập thanh lý công ty con đã quyết toán thuế 2014</i>	<i>(10.535.000.000)</i>	<i>-</i>
Các chi phí không được trừ	3.094.570.429	10.939.974.991
Thu nhập chịu thuế	45.312.745.760	85.970.516.492
Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	23.688.777
Thu nhập chịu thuế suất 22%	45.312.745.760	72.950.143.117
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	1.692.009.612
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.968.804.068	16.393.355.600
Truy thu thuế TNDN năm trước	50.077.221	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.018.881.289	16.393.355.600
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	3.911.599.114	(811.475.768)
	13.930.480.403	15.581.879.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2015	2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	28.727.936.690	47.116.440.503
-Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	-	(6.681.511.551)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	28.727.936.690	40.434.928.952
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	47.365.332	47.365.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	607	854

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được xác định lại là 854 VND (số đã trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 VND).

Năm 2015, Công ty chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành nên không có điều chỉnh giảm tương ứng cho năm 2015.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 24 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	599.344.710.227	469.926.520.938
Trừ: Tiền	21.770.025.640	64.476.404.411
Nợ thuần	577.574.684.587	405.450.116.527
Vốn chủ sở hữu	560.407.486.003	561.535.700.512
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,03	0,72

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	21.770.025.640	64.476.404.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn	658.039.195	620.154.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	228.778.942.608	180.071.207.938
Phải thu về cho vay	70.753.000.000	62.065.000.000
	321.960.007.443	307.232.766.483
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	599.344.710.227	469.926.520.938
Phải trả người bán và phải trả khác	156.706.572.099	149.658.181.753
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.569.221.357	13.744.174.630
	768.620.503.683	633.328.877.321

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	367.691.039	262.856.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	36.769.104	26.285.645

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 9.970.268.927 VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.891.066.271 VND).

	<u>Tăng/(Giảm)</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>số điểm cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	+200	(9.970.268.927)
VND	-200	9.970.268.927
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(5.891.066.271)
VND	-200	5.891.066.271

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Ngoài ra, Công ty còn một số khoản phải thu liên quan đến trả trước cho người bán và phải thu khác lâu ngày nhưng chưa thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 42.888.148.777 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 46.369.402.785 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	21.770.025.640	-	21.770.025.640
Đầu tư tài chính ngắn hạn	658.039.195	-	658.039.195
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.611.018.675	27.167.923.933	228.778.942.608
Phải thu về cho vay	17.650.000.000	53.103.000.000	70.753.000.000
Tổng cộng	241.689.083.510	80.270.923.933	321.960.007.443

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	265.593.310.992	333.751.399.235	599.344.710.227
Phải trả người bán và phải trả khác	58.425.814.434	98.280.757.665	156.706.572.099
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.569.221.357	-	12.569.221.357
Tổng cộng	336.588.346.783	432.032.156.900	768.620.503.683

Chênh lệch thanh khoản thuần	(94.899.263.273)	(351.761.232.967)	(446.660.496.240)
-------------------------------------	-------------------------	--------------------------	--------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	64.476.404.411	-	64.476.404.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn	620.154.134	-	620.154.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	176.992.552.972	3.078.654.966	180.071.207.938
Phải thu về cho vay	11.650.000.000	50.415.000.000	62.065.000.000
Tổng cộng	253.739.111.517	53.493.654.966	307.232.766.483

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	175.373.207.373	294.553.313.565	469.926.520.938
Phải trả người bán và phải trả khác	90.514.687.208	59.143.494.545	149.658.181.753
Chi phí phải trả ngắn hạn	13.744.174.630	-	13.744.174.630
Tổng cộng	279.632.069.211	353.696.808.110	633.328.877.321

Chênh lệch thanh khoản thuần	(25.892.957.694)	(300.203.153.144)	(326.096.110.838)
-------------------------------------	-------------------------	--------------------------	--------------------------

Ban Điều hành đánh giá công ty có rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Tuy nhiên, Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Nhiều khoản phải trả lớn phát sinh từ các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Gia Định Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Long An	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Cùng tập đoàn
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Cùng chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.823.527.059	290.861.148.224
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	69.069.209.413	238.218.790.031
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	654.408.604	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	25.084.755.316	37.372.187.401
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	-	8.945.454.540
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	6.264.000.002
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	60.716.250
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	15.153.726	-
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	53.268.341.064	174.770.291.779
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	6.093.721.427	104.222.827.583
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	44.945.935.577	70.366.227.137
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	2.119.436.848	-
Công Ty Cổ phần TM DV Thiết Kế và In Bao Bì Năng Động	31.579.012	71.293.788
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	19.088.200	96.293.270
Công ty TNHH Kiểm định đồng hồ Sài Gòn taxi	58.580.000	13.650.000
Chi phí tài chính	-	3.934.860.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	3.934.860.000
Doanh thu tài chính	3.542.395.070	3.908.429.363
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	2.810.995.070	3.374.549.363
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	240.000.000	-
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	-	42.480.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	568.868.296	-

Thu nhập và các khoản vay của Ban Điều hành:

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành	11.089.003.670	6.760.163.083
	11.089.003.670	6.760.163.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	2.500.000.000
Phải thu khác	401.262.076.386	256.555.575.996
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	338.192.073.411	204.509.788.298
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	21.187.108.556	20.947.108.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.652.024.788	111.276.405
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	25.024.820.243	22.055.320.592
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	67.514.144	6.878.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.138.016.129	403.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	-	163.500.000
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	-	74.736.581
Cụng ty TNHH Mai Linh Đồng Nai	11.825.020	13.825.020
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	-	-
Công ty TNHH Mai Linh Đà Lạt	-	-
Công ty TNHH Mai Linh Đắk Lắk	-	-
Công ty TNHH Mai Linh Huế	200.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	-	309.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2.890.061	1.999.061
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	-	192.774.192
Công ty TNHH MTV Mai Linh Long An	-	135.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	26.413.675
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	1.771.000	44.922.582
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	-	163.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	-	66.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Đà Nẵng	-	2.000.000
Ông Hồ Huy	-	1.844.200.000
Cho vay ngắn hạn	17.650.000.000	11.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (Tiếp theo):

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Phải trả khác	58.322.140.252	33.820.949.588
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	6.434.780.063	1.646.342.693
Công ty Cổ phần SX và TM Mai Linh	13.011.000	114.461.038
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	51.387.838.839	25.463.562.545
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	4.810.630	25.929.630
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bi Năng Động	-	17.880.000
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	386.828.520	25.004.980
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải HK Mai Linh	81.860.200	164.389.700
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	-	52.657.865
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Mai Linh	13.011.000	114.461.038
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	-	5.000.000
Ông Hồ Chương	-	6.191.260.099
Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm không bao gồm 7.953.466.666 VND, là số cổ tức đã được bù trừ công nợ trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm không bao gồm 23.015.706.107 VND (năm 2014 là 14.970.877.440 VND) là số cổ tức chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 49.476.553.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. THÔNG TIN BỔ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 10 tháng 5 năm 2016, Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 252/QĐUQ.CTHĐQT về việc quy định thẩm quyền quản lý tài chính và điều chỉnh quy định thẩm quyền công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực tại Mai Linh Miền Bắc. Theo đó, tất cả các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực đối với cán bộ công nhân viên thuộc Mai Linh Miền Bắc và các đơn vị trực thuộc, Chủ Tịch Hội Đồng Quản trị Công ty là người có thẩm quyền phê duyệt cuối cùng đối với tất cả các văn bản chủ trương và quyết định nhân sự sau khi có ý kiến tham mưu của các đơn vị chức năng liên quan.

41. THÔNG TIN BỔ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 18 tháng 5 năm 2016, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐMN-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Bà Trịnh Thị Thu và Quyết định số 01/QĐBN về việc bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng đối với Ông Trịnh Bá Cường.

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Điều hành đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Tên chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Mã số	31/12/2014	
A. Bảng cân đối kế toán					
I. Tài sản					
1. Đầu tư ngắn hạn	121	76.574.154.134	121	346.000.000	Phân loại lại và đổi tên
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(304.000.000)	122	(304.000.000)	Đổi tên và đổi mã số
3. Phải thu khách hàng	131	72.135.021.102	131	72.135.021.102	Đổi tên
4. Trả trước cho người bán	132	26.175.930.855	132	26.175.930.855	Đổi tên
5. Không có chỉ tiêu tương ứng			135	11.650.000.000	Bổ sung khoản mục mới
6. Các khoản phải thu khác	135	387.281.786.119	136	461.716.413.622	Phân loại lại, đổi tên, đổi mã số
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	10.434.627.503	155	-	- Phân loại lại và đổi mã số
8. Không có chỉ tiêu tương ứng			215	50.415.000.000	Bổ sung khoản mục mới
9. Phải thu dài hạn khác	218	-	216	3.078.654.966	Phân loại lại, đổi tên, đổi mã số
10. Bất động sản đầu tư	240	182.447.977.647	230	182.447.977.647	Đổi mã số
11. Đầu tư dài hạn khác	258	68.961.000.000	253	18.546.000.000	Phân loại lại, đổi tên, đổi mã số
12. Tài sản dài hạn khác	268	3.078.654.966	268	-	- Phân loại lại

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ B 09-DN/HN

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

Tên chi tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi
	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	
A. Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)					
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	22.105.299.343	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22.105.299.343
2. Người mua trả tiền trước	313	1.738.342.618	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.738.342.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17.149.673.151	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.149.673.151
4. Phải trả người lao động	315	20.783.362.875	4. Phải trả người lao động	314	20.783.362.875
5. Chi phí phải trả	316	13.744.174.630	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13.744.174.630
6. Không có chi tiêu tương ứng			6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	79.050.000.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	144.607.121.216	7. Phải trả ngắn hạn khác	319	144.607.121.216
8. Vay và nợ ngắn hạn	311	175.373.207.373	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	175.373.207.373
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.451.125.304	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.451.125.304
10. Phải trả dài hạn khác	333	716.693.531.409	10. Phải trả dài hạn khác	337	716.693.531.409
11. Vay và nợ dài hạn	334	294.553.313.565	11. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	294.553.313.565
12. Doanh thu chưa thực hiện	338	79.050.000.000	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-
13. Vốn điều lệ	411	486.253.320.000	13. Vốn góp của chủ sở hữu	411	486.253.320.000
14. Cổ phiếu quỹ	414	(12.600.000.000)	14. Cổ phiếu quỹ	415	(12.600.000.000)
15. Quỹ đầu tư phát triển	417	14.177.807.308	15. Quỹ đầu tư phát triển	418	27.800.676.811
16. Quỹ dự phòng tài chính	418	13.622.869.503	16. Không còn khoản mục này		Không còn khoản mục này
17. Lợi nhuận chưa phân phối	420	50.291.182.049	17. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	50.291.182.049

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN**41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

Tên chỉ tiêu	Mã số	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Thay đổi
B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.089.115.842.567	1.092.783.212.847	Trình bày lại
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.262.910.099		- Trình bày lại
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.084.852.932.468	1.092.783.212.847	Trình bày lại
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	952.047.696.659	956.188.859.698	Trình bày lại
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	132.805.235.809	136.594.353.149	Trình bày lại
7. Chi phí bán hàng	24	31.170.808.160	19.210.765.113	Trình bày lại
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(20.876.924.907)	(5.127.764.520)	Trình bày lại
9. Thu nhập khác	31	156.470.854.992	75.485.995.188	Trình bày lại
10. Chi phí khác	32	71.463.898.460	6.228.199.043	Trình bày lại
11. Lợi nhuận khác	40	85.006.956.532	69.257.796.145	Trình bày lại



Hồ Huy
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị
 Đại Diện theo pháp Luật

Amhao

Trình Bá Cường
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016